

Số: 26 /2006/QĐ-UBND

Buôn Ma Thuột, ngày 25 tháng 4 năm 2006

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐAK LAK**

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22/01/2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP, ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 30/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đo đạc và bản đồ;
- Căn cứ Quyết định số 05/2004/QĐ-BTNMT ngày 04/5/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế đăng ký và cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;
- Căn cứ Quyết định số 16/2005/QĐ-BTNMT ngày 16/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ công trình xây dựng đo đạc;
- Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 13/TTr-STNMT ngày 21/3/2006,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này quy định quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2:** Giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 3:** Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện và thành phố Buôn Ma Thuột, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn, thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

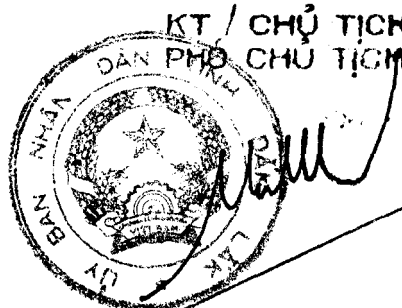
Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *Th*

- Như điều 3;
- Vụ pháp chế, Bộ TN và MT;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ TP;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: Lãnh đạo VP, chuyên viên các bộ phận n/c, TT Tin học;
- Lưu VT, NLN.

100

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**



**ĐƯƠNG THANH TƯỜNG**

## QUY ĐỊNH

### Về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2006/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2006  
của UBND tỉnh)

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này thống nhất công tác quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ chuyên môn có nội dung đo đạc và bản đồ, sử dụng bản đồ đất đai hoặc liên quan đến đất đai và tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

### Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ trong Quy định này được hiểu như sau:

1. Đo đạc là lĩnh vực hoạt động khoa học kỹ thuật sử dụng các thiết bị thu nhận thông tin và xử lý thông tin nhằm xác định các đặc trưng hình học và các thông tin có liên quan của các đối tượng ở mặt đất, lòng đất, mặt nước, lòng nước, đáy nước, khoảng không ở dạng tĩnh hoặc biến động theo thời gian. Các thể loại đo đạc bao gồm: đo đạc mặt đất, đo đạc đáy nước, đo đạc trọng lực, đo đạc ảnh, đo đạc hàng không, đo đạc vệ tinh, đo đạc hàng hải, đo đạc thiên văn, đo đạc vũ trụ.

2. Bản đồ là lĩnh vực hoạt động khoa học kỹ thuật thu nhận và xử lý các thông tin, dữ liệu từ quá trình đo đạc, khảo sát thực địa để biểu thị bề mặt trái đất dưới dạng mô hình thu nhỏ bằng hệ thống ký hiệu và màu sắc theo các quy tắc toán học nhất định. Các thể loại bản đồ gồm: bản đồ địa hình, bản đồ nền, bản đồ địa chính, bản đồ hành chính, bản đồ biển, bản đồ chuyên ngành và các bản đồ chuyên đề khác.

3. Hệ thống điểm đo đạc cơ sở là các điểm có dấu mốc kiên cố trên thực địa được đo liên kết thành các mạng lưới nhằm mục đích xác định giá trị của đại lượng thuộc các thể loại: tọa độ, độ cao, độ sâu, trọng lực, thiên văn, vệ tinh tại các điểm đó để làm gốc đo đạc cho từng khu vực; hệ thống điểm đo đạc cơ sở quốc gia là hệ thống điểm đo đạc cơ sở được thành lập theo tiêu chuẩn thống nhất phục vụ nhu cầu sử dụng chung cho tất cả các ngành và các địa phương; hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng là hệ thống điểm đo đạc cơ sở được thành lập phục vụ nhu cầu riêng của từng ngành hoặc từng địa phương.

4. Công trình xây dựng đo đạc bao gồm:

a) Các trạm quan trắc cố định về thiên văn, trắc địa, vệ tinh, trọng lực, độ cao, độ sâu, thời gian;

b) Các điểm gốc đo đạc quốc gia;

c) Các cơ sở kiểm định tham số của thiết bị đo đạc;

d) Dấu mốc của các điểm thuộc hệ thống điểm đo đạc cơ sở.

5. Sản phẩm đo đạc là kết quả thực hiện các thể loại đo đạc, công trình xây dựng đo đạc và các tư liệu thuyết minh kèm theo, dữ liệu đo và dữ liệu đã xử lý, không ảnh và không ảnh đã xử lý, các tư liệu điều tra khảo sát khác có liên quan.

6. Sản phẩm bản đồ là các loại sơ đồ, bình đồ, bản đồ, bản đồ ảnh, tập bản đồ, át-lát, sa ban, bản đồ nổi, quả địa cầu được thành lập trên các loại vật liệu truyền thống hoặc trên các phương tiện kỹ thuật số. Ấn phẩm bản đồ là sản phẩm bản đồ được nhân bản trên giấy, trên các loại vật liệu khác hoặc nhân bản bằng kỹ thuật số.

7. Công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ bao gồm sản phẩm đo đạc, sản phẩm bản đồ, kết quả nghiên cứu khoa học trái đất bằng phương pháp đo đạc, sản phẩm dịch vụ đo đạc và bản đồ.

8. Thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ bao gồm các sản phẩm đo đạc trừ các vật kiến trúc thuộc công trình xây dựng đo đạc, sản phẩm bản đồ, hệ thống thông tin địa lý, hệ thống thông tin đất đai.

## **Chương II** **HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ**

### **Điều 3. Hoạt động đo đạc và bản đồ**

Hoạt động đo đạc và bản đồ nhằm tạo ra các công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ để phục vụ cho các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

1. Thiết lập hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng:

a) Lưới tọa độ địa chính cấp I, địa chính cấp II;

b) Lưới độ cao hạng IV, độ cao kỹ thuật;

c) Lưới tọa độ, độ cao phục vụ mục đích riêng của từng ngành như: Lưới quan trắc biến dạng công trình, lưới trắc địa phục vụ công tác quy hoạch, công tác thủy văn, thăm dò địa chất, khai thác khoáng sản;

d) Đo đạc phục vụ quản lý địa chính, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp, giao thông, thủy lợi, xây dựng, khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn.

2. Xây dựng hệ thống bản đồ, phải sử dụng hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN2000 để thành lập các loại bản đồ sau:

a) Bản đồ địa chính các tỷ lệ phục vụ công tác quản lý đất đai;

b) Bản đồ địa hình các tỷ lệ phục vụ mục đích chuyên dụng;

c) Bản đồ hành chính cấp huyện và cấp xã;

d) Hệ thống bản đồ chuyên đề.

3. Xây dựng hệ thống thông tin:

- a) Hệ thống thông tin địa lý;
- b) Hệ thống thông tin đất đai;
- c) Hệ thống thông tin chuyên ngành.

#### **Điều 4. Đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ**

1. Tổ chức, cá nhân khi tiến hành hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ do Cục Đo đạc và Bản đồ (Bộ Tài nguyên và Môi trường) cấp.

2. Tổ chức, cá nhân trước khi tiến hành một trong các hoạt động đo đạc và bản đồ nêu tại Điều 2 của Quy định này trên địa bàn tỉnh, phải xuất trình bản đăng ký và giấy phép hoạt động với Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ hoặc đăng ký cấp, gia hạn, bổ sung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện theo Quy chế đăng ký và cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 05/2004/QĐ-BTNMT ngày 04/5/2004.

#### **Điều 5. Trách nhiệm bảo đảm chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ thực hiện bằng nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước**

1. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn bộ về khối lượng và chất lượng các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ được giao thực hiện bằng ngân sách nhà nước; tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ chịu trách nhiệm về chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ do mình thực hiện.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ cung cấp thông tin, tài liệu về bản đồ, số liệu các điểm toạ độ, độ cao liên quan đến công tác đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 6. Thẩm định chất lượng, giao nộp sản phẩm và sử dụng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính, đo đạc và bản đồ chuyên dụng trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Tổ chức sự nghiệp đo đạc và bản đồ có chức năng thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ có nhiệm vụ thẩm định chất lượng khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định.

3. Tổ chức kinh tế được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có nội dung kiểm tra kỹ thuật và thẩm định chất lượng thì được thực hiện kiểm tra kỹ thuật và thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo đề nghị của chủ đầu tư.

4. Tổ chức, cá nhân thực hiện công tác đo đạc và bản đồ phải tự kiểm tra sản phẩm đo đạc và bản đồ do mình thực hiện trong quá trình quản lý, sử dụng theo quy định tại quy chế quản lý chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ đã được ban hành kèm theo Quyết định số 657 QĐ/ĐC ngày 4/11/1997 của Tổng cục Địa chính (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường).

5. Kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải thực hiện theo quy định về quản lý chất lượng công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ, quản lý đất đai của

Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác về quản lý công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành.

6. Đối với công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc kinh phí của cơ quan, tổ chức thì chủ đầu tư phải lập báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt và phải nộp 01 (một) bộ sản phẩm về Sở Tài nguyên và Môi trường để lưu trữ.

Công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ chỉ được công nhận đã hoàn thành khi có biên bản bàn giao sản phẩm với Sở Tài nguyên và Môi trường.

7. Sản phẩm đo đạc và bản đồ phải ghi rõ cơ sở pháp lý, cơ sở toán học, nguồn gốc xuất xứ, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận mới được lưu hành sử dụng; trường hợp xuất bản phải có giấy phép theo quy định của Luật Xuất bản. Các loại bản đồ không có giấy phép xuất bản hoặc chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận thì không có giá trị pháp lý khi sử dụng.

### **Điều 7. Trách nhiệm quản lý công trình xây dựng đo đạc**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý dấu mốc đo đạc cơ sở quốc gia từ hạng III trở xuống và dấu mốc đo đạc cơ sở chuyên dụng của địa phương.

2. Các Sở, Ban, Ngành khác của tỉnh quản lý dấu mốc đo đạc cơ sở chuyên dụng của ngành.

### **Điều 8. Bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc**

1. Công trình xây dựng đo đạc là tài sản của Nhà nước, UBND các huyện, thành phố Buon Ma Thuột (sau đây gọi chung là cấp huyện); UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn và giáo dục mọi công dân ý thức bảo vệ các công trình này.

2. Mọi tổ chức, cá nhân không được tự tiện sử dụng công trình xây dựng đo đạc nếu không được sự chấp thuận của Cục Đo đạc và Bản đồ (Bộ Tài nguyên và Môi trường) hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường, trong quá trình sử dụng phải giữ gìn bảo vệ dấu mốc đo đạc, không làm hư hỏng, sử dụng xong phải khôi phục lại tình trạng như ban đầu.

3. Sau khi hoàn thành việc xây dựng các dấu mốc đo đạc, các đơn vị thực hiện nhiệm vụ đo đạc phải lập biên bản bàn giao dấu mốc kèm theo sơ đồ vị trí và tình trạng mốc tại thực địa cho UBND cấp xã với sự có mặt của chủ sử dụng đất nơi đặt dấu mốc; sau khi hoàn thành toàn bộ dự án, chủ đầu tư phải bàn giao toàn bộ số lượng các dấu mốc kèm theo bản ghi chú đi kèm cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Chủ sử dụng đất và chủ sở hữu công trình nơi có các dấu mốc đo đạc có trách nhiệm báo cáo cán bộ địa chính cấp xã khi tiến hành xây dựng hoặc cải tạo công trình trong trường hợp có ảnh hưởng đến dấu mốc đo đạc.

5. Trách nhiệm của cán bộ địa chính cấp xã:

a) Quản lý và bảo vệ các dấu mốc đo đạc trên địa bàn hành chính cấp xã theo biên bản bàn giao cho UBND cấp xã;

b) Ghi vào sổ địa chính ở phần ghi chú về dấu mốc đo đạc trên thửa đất;

c) Tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý, bảo vệ công trình xây dựng đo đạc để người dân tại địa phương có trách nhiệm bảo vệ dấu mốc đo đạc không bị xê dịch, không bị phá hủy hoặc làm hư hỏng;

d) Thường xuyên kiểm tra, nếu phát hiện thấy các dấu mốc đo đạc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại thì trong thời hạn không quá 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi phát hiện phải báo cáo UBND cấp xã để có biện pháp ngăn chặn ngay hành vi xâm hại và trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc phải báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường về hiện trạng và nguyên nhân xâm hại dấu mốc đo đạc;

đ) Đối với trường hợp phải di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc, trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình về việc xin di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc thì cán bộ địa chính cấp xã phải chuyển đơn tới Sở Tài nguyên và Môi trường để giải quyết kịp thời;

e) Báo cáo hàng năm bằng văn bản với Phòng Tài nguyên và Môi trường về hiện trạng dấu mốc đo đạc trên phạm vi địa phương mình kèm theo bảng thống kê số liệu, cấp hạng và tình trạng sử dụng.

#### 6. Trách nhiệm của Phòng Tài nguyên và Môi trường:

a) Chỉ rõ cho người được giao đất, thuê đất về các dấu mốc đo đạc đã có trên thửa đất và ghi vào biên bản bàn giao khi giao đất thực địa;

b) Xem xét tại hiện trường và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường về tình trạng các dấu mốc đo đạc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của cán bộ địa chính cấp xã;

c) Báo cáo hàng năm bằng văn bản với Sở Tài nguyên và Môi trường về hiện trạng dấu mốc đo đạc trên phạm vi địa phương mình kèm theo bảng thống kê số liệu, cấp hạng và tình trạng sử dụng.

#### 7. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Giải quyết hoặc báo cho Cục Đo đạc và Bản đồ (Bộ Tài nguyên và Môi trường), cơ quan quản lý công trình xây dựng đo đạc quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này trong trường hợp công trình xây dựng trên thửa đất làm ảnh hưởng đến dấu mốc đo đạc để quyết định hủy bỏ, gia cố hoặc di dời;

b) Báo cáo hàng năm bằng văn bản với Cục Đo đạc và Bản đồ (Bộ Tài nguyên và Môi trường) về hiện trạng dấu mốc đo đạc trên địa bàn tỉnh kèm theo bảng thống kê số liệu, cấp hạng và tình trạng sử dụng.

8. Trách nhiệm của chủ sử dụng đất và chủ sở hữu công trình nơi có các dấu mốc đo đạc:

a) Phải bảo vệ, không được làm hư hỏng dấu mốc đo đạc đặt trên thửa đất do mình sử dụng hoặc gắn vào công trình kiến trúc của mình trong quá trình sử dụng đất và công trình;

b) Trường hợp phải di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc có trên thửa đất hoặc gắn vào công trình kiến trúc thì phải có văn bản báo cho cán bộ địa chính cấp xã và chỉ được di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc khi có sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý dấu mốc đo đạc.

c) Trường hợp cải tạo, tu sửa hoặc xây dựng mới công trình mà làm ảnh hưởng đến dấu mốc đo đạc thì chủ sử dụng đất, chủ sở hữu công trình phải có văn bản gửi cán bộ địa chính cấp xã để báo cáo cho cơ quan quản lý dấu mốc đo đạc có biện pháp bảo vệ dấu mốc.

### **Điều 9. Lưu trữ, cung cấp thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật, lưu trữ và cung cấp thông tin tư liệu về hệ thống điểm đo đạc cơ sở, hệ thống bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, bản đồ hành chính, bản đồ chuyên đề, hệ thống thông tin địa lý và thông tin về đất đai phục vụ cho mục đích chuyên dụng trên địa bàn tỉnh; bảo vệ và bảo mật tài liệu theo quy định.

2. Các tổ chức, cá nhân khi hoàn thành công trình đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh phải giao nộp 01 (một) bộ tài liệu sản phẩm cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

### **Chương III**

## **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ**

### **Điều 10. Xây dựng kế hoạch, dự án về đo đạc và bản đồ**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, dự án về đo đạc và bản đồ của ngành và địa phương, đảm bảo không chồng chéo với kế hoạch, dự án của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ và của các Bộ, ngành khác.

2. Các cơ quan có nhu cầu đo đạc và bản đồ phải lập kế hoạch hoặc dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt để đảm bảo không chồng chéo với các kế hoạch, dự án của các Bộ, ngành, các đơn vị khác về đo đạc và bản đồ.

2. Cơ quan, tổ chức được giao kế hoạch thực hiện các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ bằng ngân sách nhà nước phải quản lý và sử dụng theo kế hoạch hàng năm, trên cơ sở dự án được lập theo quy phạm kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.

### **Điều 11. Ban hành hệ thống tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật về đo đạc và bản đồ**

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quy định hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật đo đạc và bản đồ theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 12. Quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ**

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm tham mưu giúp UBND tỉnh tổ chức đăng ký và xác nhận đăng ký đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. Thẩm định khả năng hoạt động đo đạc và bản đồ của các tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động đo đạc trên địa bàn tỉnh trình UBND tỉnh quyết định và đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ (Bộ Tài nguyên và Môi trường) cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

b) Kiểm tra định kỳ việc thực hiện quy chế đăng ký hoạt động đo đạc và bản đồ đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh.

c) Kiểm tra, nghiệm thu, thẩm định và quản lý các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ. Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ trên địa bàn tỉnh và kiến nghị với cơ quan quản lý về xuất bản, đình chỉ phát hành, thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về thể hiện địa giới hành chính các cấp, địa danh thuộc địa phương; ấn phẩm bản đồ có sai sót nghiêm trọng về kỹ thuật hoặc có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định của Luật Xuất bản;

d) Quản lý, bảo vệ các dấu mốc đo đạc, các tài liệu, số liệu về hệ thống tọa độ, độ cao thuộc thẩm quyền của tỉnh quản lý.

đ) Phối hợp với Sở Nội vụ và UBND cấp huyện trong việc tham mưu UBND tỉnh giải quyết các tranh chấp đất đai liên quan đến địa giới hành chính theo phân cấp. Cập nhật bổ sung những thay đổi về địa giới hành chính vào hệ thống hồ sơ và bản đồ địa giới hành chính của tỉnh.

e) Báo cáo hàng năm bằng văn bản với UBND tỉnh về số lượng dấu mốc mới xây dựng trên phạm vi địa phương, kèm theo bản thống kê số liệu, cấp hạng và tình trạng sử dụng.

## 2. Trách nhiệm của các Sở, ngành liên quan:

a) Căn cứ tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về đo đạc và bản đồ của Bộ, ngành chủ quản, các Sở, ngành xây dựng văn bản hướng dẫn áp dụng phù hợp với điều kiện của tỉnh, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trước khi trình UBND tỉnh ban hành;

b) Trong phạm vi nhiệm vụ của mình, các Sở, ngành có nội dung đo đạc và bản đồ phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng chương trình, dự án, kế hoạch triển khai, đồng thời thống nhất về sản phẩm giao nộp cụ thể đối với từng thể loại hoạt động đo đạc và bản đồ để lưu trữ theo Điều 9 của Quy định này.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để cung cấp thông tin về các công trình xây dựng đo đạc như cọc dấu, mốc tọa độ địa chính các cấp trên địa bàn tỉnh, để các Sở, ngành xây dựng kế hoạch gia cố, di dời các mốc trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt dự án.

## 3. Trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã:

a) Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân tham gia bảo vệ các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ có trên địa bàn.

b) Khi phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ, hoặc các hành vi xâm hại công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải có biện pháp ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền, đồng thời báo cáo bằng văn bản về Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện, cán bộ địa chính cấp xã thường xuyên bổ sung chính lý biến động về đất đai ở thực địa lên bản đồ cho phù hợp với hiện trạng sử dụng đất.

Trước ngày 15/10 hàng năm, UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức kiểm tra và báo cáo kết quả về tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ; số lượng, chất lượng các công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ hiện có trên địa bàn về Sở Tài nguyên và Môi trường.

## **Điều 13. Thanh tra đo đạc và bản đồ**

1. Nhiệm vụ thanh tra đo đạc bản đồ: Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường có nhiệm vụ thanh tra đo đạc và bản đồ địa chính, đo đạc và bản đồ chuyên dụng do địa phương mình thực hiện.

2. Nội dung thanh tra đo đạc và bản đồ của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thanh tra việc chấp hành các văn bản pháp luật về đo đạc và bản đồ;

b) Thanh tra về đo đạc và bản đồ theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh và Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;

c) Giúp Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác minh, kết luận nội dung khiếu nại, tố cáo; kiến nghị với Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường biện pháp giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ.

3. Quyền của đoàn thanh tra hoặc thanh tra viên khi tiến hành thanh tra về đo đạc bản đồ:

a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu cần thiết cho việc thanh tra;

b) Quyết định tạm thời đình chỉ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước không theo kế hoạch hoặc không theo đúng dự án đã được phê duyệt, gây lãng phí ngân sách hoặc không đảm bảo chất lượng và chịu trách nhiệm về quyết định đó, đồng thời báo cáo ngay với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định;

c) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm về đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định số 30/2005/NĐ-CP, ngày 11/3/2005 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đo đạc và bản đồ, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**



**KT / CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**DƯƠNG TRẠCH TƯỜNG**